BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo quyết định số 984/QĐ-ĐHĐT ngày 29 tháng 9 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)

Tên chương trình : Giáo dục Tiểu học
Trình độ đào tạo : Cao đẳng
Ngành đào tạo : Giáo dục Tiểu học
Hình thức đào tạo : Chính quy
Khóa đào tạo : 2018

TT	MÃ MH	TÊN MÔN HỌC	SỐ TC	Môn học điều kiện			Tiến độ
				TQ	HT	SH	
A. Kiến thức giáo dục đại cương			**35**				
1.1. Ngoại ngữ			**5**				
1	GE4410	Tiếng Anh 1	3				1
2	GE4411	Tiếng Anh 2	2		GE4410		2
1.2. Giáo dục quốc phòng			**8**				
1	GE4149	Đường lối quân sự của Đảng	3				2
2	GE4150	Công tác quốc phòng, an ninh	2		GE4149		3
3	GE4153	Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK	3		GE4149		4
1.3. Đại cương chung			**19**				
1	GE4017	Giáo dục học đại cương	2				1
2	GE4045	Tâm lý học đại cương	2				1
3	GE4038A	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2				1
4	GE4038B	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3		GE4038A		2
5	GE4039	Pháp luật Việt Nam đại cương	2				2
6	GE4005	TH Công tác đội TNTP Hồ Chí Minh	1				3
7	GE4056	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		GE4038B		3
8	GE4111	Quản lý HCNN và QL ngành GD	2				4
9	GE4011	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	3		GE4056		4
1.4. Giáo dục thể chất (chọn ít nhất 3 TC)			**3**				
1.4.1. Học phần bắt buộc			**1**				
1	GE4306	Giáo dục thể chất 1	1				1
1.4.2. Học phần tự chọn (chọn ít nhất 2 tín chỉ)			**2**				
1	GE4331	Bơi lội	2	GE4306			2
2	GE4328	Bóng bàn	2	GE4306			2
3	GE4322	Bóng chuyền	2	GE4306			2
4	GE4321	Bóng đá	2	GE4306			2
5	GE4329	Bóng ném	2	GE4306			2
6	GE4330	Bóng rổ	2	GE4306			2
7	GE4323	Cầu lông	2	GE4306			2

TT	MÃ MH	TÊN MÔN HỌC	SỐ TC	Môn học điều kiện			Tiến độ
				TQ	HT	SH	
8	GE4327	Cờ vua	2	GE4306			2
9	GE4324	Khiêu vũ thể thao	2	GE4306			2
10	GE4326	Võ thuật Karatedo	2	GE4306			2
11	GE4325	Võ thuật Vovinam	2	GE4306			2
B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			**65**				
I. Kiến thức chuyên ngành			**52**				
1	PR4155	Cơ sở khoa học tự nhiên	2				1
2	PR4234	Tiếng Việt	2				1
3	PR4144	Toán học cơ sở 1	2				1
4	PR4230	Toán học cơ sở 2	2		PR4144		2
5	GE4073N	Giáo dục học Tiểu học	2		GE4017		2
6	PR4116	Kỹ năng sử dụng Tiếng Việt	2		PR4234		2
7	GE4071N	Tâm lý học tiểu học	2		GE4045		2
8	PR4156	Cơ sở khoa học xã hội	2				3
9	PR4231	Giải toán tiểu học	2		PR4230		3
10	PR4151	Phương pháp dạy học tiếng Việt A	3		PR4116		3
11	PR4240	Lí luận dạy học toán ở tiểu học	3		PR4230		3
12	PR4158	Phương pháp dạy học tự nhiên - xã hội A	2		PR4155, PR4156, PR4157		3
13	PR4235	Văn học	2				3
14	PR4153N	Phương pháp hướng dẫn hoạt động ngoại khóa tiếng Việt ở tiểu học	2		PR4152		4
15	PR4237	Hoạt động trải nghiệm ở tiểu học	2		GE4073N		4
16	PR4238	Chuyên đề đạo đức	1				4
17	PR4157	Con người và sức khỏe	2				4
18	PR4241	Phương pháp dạy học toán tiểu học theo chủ đề	2		PR4240		4
19	PR4152	Phương pháp dạy học tiếng Việt B	3		PR4151		5
20	PR4236	Phương pháp dạy học tự nhiên - xã hội B	2		PR4158		5
21	PR4154	Đạo đức và phương pháp dạy học đạo đức	3		GE4071N, GE4073N		5
22	PR4275	Dạy tập làm văn cho HS TH	2		PR4152		5
23	PR4413	Ứng dụng CNTT trong dạy học tiểu học	2				5
24	PR4004N	Giáo dục hòa nhập	2				6
25	PR4248	Tìm hiểu thực tế địa phương và giáo dục	1				6
IV. Thực hành, thực tập nghề nghiệp			**13**				
1	PR4401	Rèn luyện NVSPTX1	1				2
2	GE4401	Kiến tập sư phạm	2		GE4071N, GE4073N		3
3	PR4402	Rèn luyện NVSPTX2	2				4
4	PR4403	Rèn luyện NVSPTX3	2				5
5	PR4404	Rèn luyện NVSPTX4	1				5

TT	MÃ MH	TÊN MÔN HỌC	SỐ TC	Môn học điều kiện			Tiến độ
				TQ	HT	SH	
6	PR4407N	Thực tập tốt nghiệp	6				6
Tổng số TCTL			**101**				